

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO
XU HƯỚNG SẢN XUẤT KINH DOANH
NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO VÀ XÂY DỰNG
QUÝ I NĂM 2021 VÀ DỰ BÁO QUÝ II NĂM 2021

Điều tra xu hướng sản xuất kinh doanh (SXKD) hàng quý bao gồm 6.500 doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và 6.600 doanh nghiệp ngành xây dựng được chọn mẫu điều tra, đại diện cho toàn ngành chế biến, chế tạo và xây dựng của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Tổng số doanh nghiệp thực tế trả lời trong kỳ điều tra quý I/2021 là 5.837 doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến chế tạo (chiếm 89,8% số doanh nghiệp được chọn mẫu điều tra) và 5.676 doanh nghiệp ngành xây dựng (chiếm 86,0% số doanh nghiệp được chọn mẫu điều tra). Báo cáo gồm hai phần:

“Phần I: Xu hướng sản xuất kinh doanh ngành công nghiệp chế biến, chế tạo”, phản ánh nhận định của doanh nghiệp về: (1) Biến động của các yếu tố đầu vào (số lượng đơn đặt hàng; sử dụng lao động; chi phí sản xuất; sử dụng công suất máy móc, thiết bị); (2) Dự kiến kết quả đầu ra (khối lượng sản xuất; giá bán bình quân của một sản phẩm); (3) Biến động về tồn kho (tồn kho thành phẩm; tồn kho nguyên vật liệu) và (4) Tổng quan chung về hoạt động SXKD.

“Phần II: Xu hướng sản xuất kinh doanh ngành xây dựng”, phản ánh nhận định của doanh nghiệp về: (1) Biến động của các yếu tố đầu vào (sử dụng lao động, tổng chi phí sản xuất, chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công); (2) Hỗ trợ chính sách và tiếp cận vốn vay; (3) Tổng quan chung về hoạt động SXKD.

PHẦN I. XU HƯỚNG SẢN XUẤT KINH DOANH NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO

Theo nhận định của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, tình hình SXKD quý I/2021 khả quan hơn so với quý I/2020. Trong quý I/2021 có 68,6% số doanh nghiệp nhận định tình hình SXKD quý I/2021 so với quý IV/2020 tốt lên và giữ ổn định (tỷ lệ tương ứng ở quý I/2020 là 58,0%). Số lượng đơn đặt hàng mới và khối lượng sản xuất cũng có xu hướng tốt hơn thể hiện qua tỷ lệ doanh nghiệp nhận định số lượng đơn đặt hàng mới và khối lượng sản xuất quý I/2021 so với quý IV/2020 tăng và giữ ổn định tương ứng là 69,5% và 68,0% (tỷ lệ tương ứng ở quý I/2020 là 61,4% và 60,5%). Dự báo quý II/2021 tình hình SXKD của các doanh nghiệp tiếp tục khả quan hơn quý I/2021 với 85,1% số doanh nghiệp dự báo tình hình SXKD quý II/2021 so với quý I/2021 tốt lên và giữ ổn định.

1. Biến động của các yếu tố đầu vào

1.1. Số lượng đơn đặt hàng

Theo kết quả khảo sát chung trong quý I/2021, có 69,5% số doanh nghiệp đánh giá số lượng đơn đặt hàng mới quý I/2021 tăng và giữ nguyên so với quý IV/2020 (27,8% tăng và 41,7% giữ nguyên), 30,5% doanh nghiệp đánh giá số lượng đơn đặt hàng mới giảm¹. Dự báo số lượng đơn đặt hàng mới quý II/2021 so với quý I/2021, 86,6% doanh nghiệp dự báo tăng và giữ nguyên (47,5% tăng và 39,1% giữ nguyên), 13,4% doanh nghiệp dự báo số lượng đơn đặt hàng mới giảm.

Theo ngành kinh tế, một số ngành có tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá số lượng đơn đặt hàng quý I/2021 tăng so với quý IV/2020 như: ngành sản xuất thiết bị điện 43,5%; ngành sản xuất kim loại 36,4%; ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học 38,1%... Một số ngành có tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá số lượng đơn đặt hàng quý I/2021 giảm so với quý IV/2020 như: ngành sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt máy móc và thiết bị 39,3%; ngành sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu 37,9%; ngành sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc thiết bị) 35,9%...

Đơn đặt hàng xuất khẩu

Trong tổng số các doanh nghiệp được khảo sát, có 70,6% doanh nghiệp đánh giá số lượng đơn hàng xuất khẩu mới quý I/2021 tăng và giữ nguyên so với quý IV/2020 (25,3% tăng và 45,3% giữ nguyên), tỷ lệ doanh nghiệp nhận định có đơn hàng xuất khẩu mới giảm là 29,4 %². Các doanh nghiệp dự báo số lượng đơn hàng xuất khẩu mới quý II/2021 khả quan hơn với 85,0% doanh nghiệp dự báo tăng và giữ nguyên so với quý I/2021 (37,5% tăng và 47,5% giữ nguyên), 15,0% doanh nghiệp dự báo giảm.

Theo ngành kinh tế, một số ngành có tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá đơn đặt hàng xuất khẩu quý I/2021 tăng so với quý IV/2020 như: ngành sản xuất thuốc lá 35,7%; ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học 34,6%; ngành sản xuất xe có động cơ 33,3%... Một số ngành có tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá đơn đặt hàng xuất khẩu quý I/2021 giảm so với quý IV/2020 như: ngành sản xuất giấy và sản xuất từ giấy 37,6%; ngành sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt máy móc và thiết bị 35,7%; ngành sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu 35,3%...

1.2. Sử dụng lao động

Đánh giá chung về tình hình sử dụng lao động của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, có 12,9% doanh nghiệp đánh giá số lượng lao động quý I/2021 so với quý IV/2020 tăng, 69,6% doanh nghiệp đánh giá giữ nguyên và 17,5% doanh nghiệp đánh giá giảm³. Dự báo số lượng lao động ở quý II/2021 so với

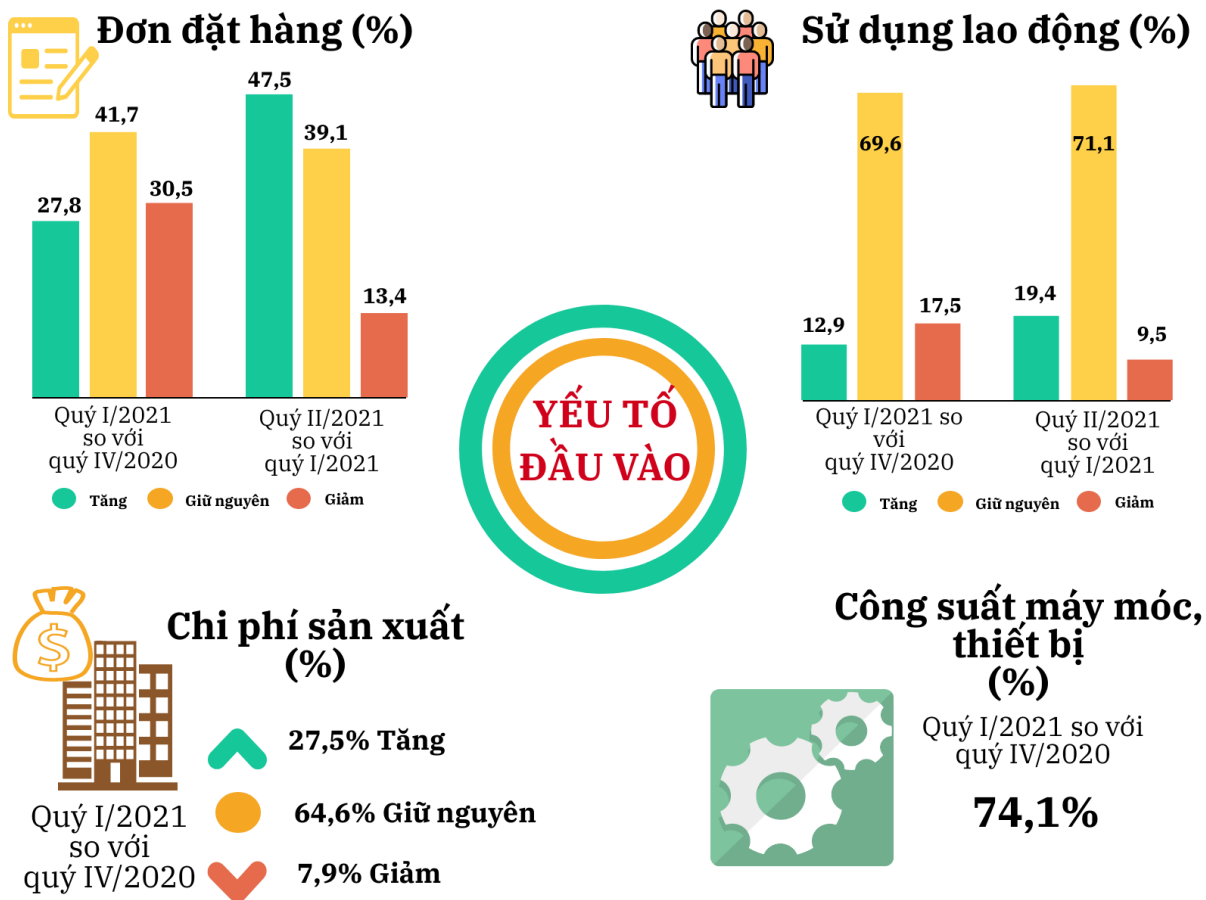
¹ Chỉ số tương ứng của quý IV/2020: Có 76,5% doanh nghiệp đánh giá đơn hàng mới tăng và giữ nguyên (37,6% tăng; 38,9% giữ nguyên) và 23,5% đánh giá giảm.

² Chỉ số tương ứng của quý IV/2020: Có 74,1% doanh nghiệp đánh giá đơn hàng xuất khẩu mới tăng và giữ nguyên (31,8% tăng; 42,3% giữ nguyên) và 25,9% đánh giá giảm.

³ Chỉ số tương ứng của quý IV/2020: Có 14,7% doanh nghiệp đánh giá lao động tăng, 69,2% giữ nguyên và 16,1% đánh giá giảm.

quý I/2021 khả quan hơn với 90,5% số doanh nghiệp dự kiến số lao động tăng và giữ nguyên (19,4% tăng và 71,1% giữ nguyên), 9,5% doanh nghiệp dự kiến quy mô lao động giảm.

Theo ngành kinh tế, một số ngành có tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá số lượng lao động quý I/2021 tăng so với quý IV/2020 như: ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học 25,6%; ngành sản xuất da và các sản phẩm có liên quan 24,1%; ngành sản xuất thiết bị điện 23,9%... Một số ngành có tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá số lượng lao động quý I/2021 giảm so với quý IV/2020 như: ngành sản xuất trang phục 26,9%; ngành giấy và sản phẩm từ giấy 21,9%; ngành dệt 21,4%...



1.3. Chi phí sản xuất

Nhận định chung của các doanh nghiệp về chi phí sản xuất, có 92,1% số doanh nghiệp đánh giá chi phí sản xuất trên một đơn vị sản phẩm chính quý I/2021 so với quý IV/2020 tăng và giữ nguyên (27,5% tăng và 64,6% giữ nguyên), 7,9% doanh nghiệp đánh giá giảm⁴. Dự báo quý II/2021 so với quý I/2021 có 90,3% doanh nghiệp dự báo chi phí sản xuất cho một đơn vị sản phẩm chính tăng và giữ nguyên (22,1% tăng và 68,2% giữ nguyên), 9,7% doanh nghiệp dự báo chi phí sản xuất giảm.

⁴ Chỉ số tương ứng của quý IV/2020: Có 91,9% doanh nghiệp nhận định chi phí sản xuất trên một đơn vị sản phẩm chính tăng và giữ nguyên (26,5% tăng; 65,4% giữ nguyên) và 8,1% nhận định giảm.

Theo ngành kinh tế, một số ngành có tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chi phí sản xuất quý I/2021 tăng so với quý IV/2020 như: ngành sản xuất xe có động cơ 40,5%; ngành sản xuất kim loại 36,4%; ngành sản xuất thiết bị điện 35,9%... Một số ngành có tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chi phí sản xuất quý I/2021 giảm so với quý IV/2020 như: ngành sản xuất sản phẩm thuốc lá 11,1%; ngành xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu 10,8%; ngành sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu 10,8%...

1.4. Sử dụng công suất máy móc, thiết bị

Tỷ lệ sử dụng công suất máy móc thiết bị bình quân được các doanh nghiệp đánh giá qua mỗi quý. Trong quý I/2021, tỷ lệ sử dụng công suất máy móc thiết bị bình quân của các doanh nghiệp ngành chế biến, chế tạo là 74,1%⁵.

Trong số những doanh nghiệp tham gia đánh giá tỷ lệ công suất máy móc thiết bị quý I/2021, có 47,5% doanh nghiệp đánh giá công suất sử dụng trong khoảng từ 70% đến dưới 90%; 25,7% doanh nghiệp đánh giá công suất sử dụng từ 90% đến 100%; 19,5% doanh nghiệp đánh giá công suất sử dụng từ 50 đến dưới 70% và 7,3% doanh nghiệp đánh giá công suất sử dụng dưới 50%.

Theo ngành kinh tế, một số ngành có tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng công suất máy móc, thiết bị quý I/2021 cao như: ngành sản xuất sản phẩm thuốc lá 79,2%; ngành sản xuất trang phục 79,1%; ngành sản xuất da và các sản phẩm có liên quan 78,8%... Một số ngành có tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng công suất máy móc, thiết bị quý I/2021 thấp như: ngành sản xuất phương tiện vận tải khác 69,8%; ngành sản xuất chế biến thực phẩm 69,9%; ngành chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ tre nứa (trừ giường tủ bàn ghế) 68,9%...

2. Dự kiến kết quả đầu ra

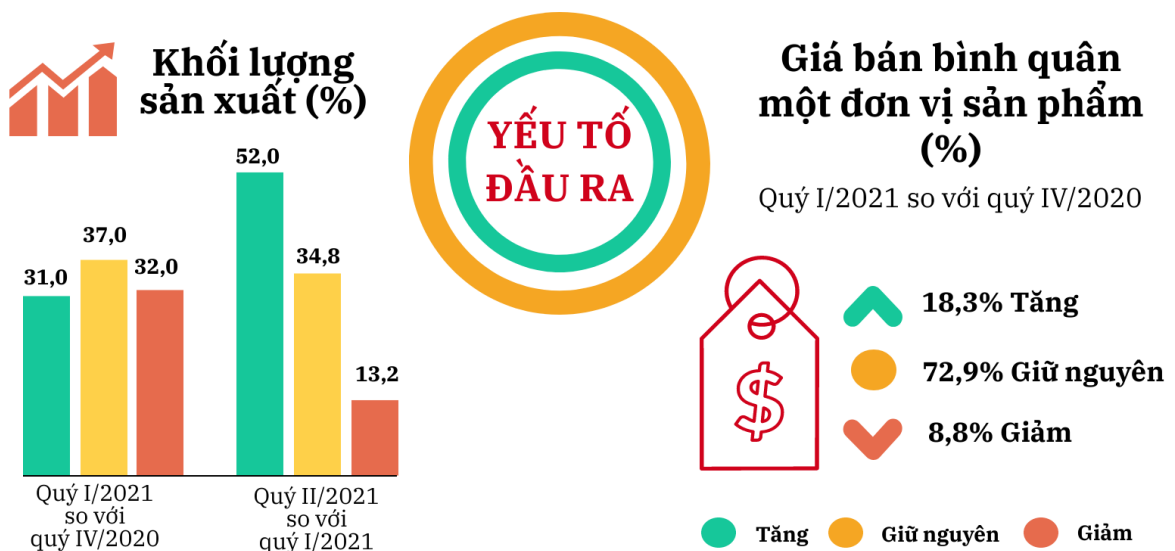
2.1. Khối lượng sản xuất

Kết quả khảo sát trong quý I/2021, có 68,0% doanh nghiệp đánh giá khối lượng sản xuất tăng và giữ nguyên so với quý IV/2020 (31,0% tăng và 37,0% giữ nguyên), 32,0% doanh nghiệp đánh giá giảm⁶. Khối lượng sản xuất của các doanh nghiệp ngành chế biến, chế tạo quý II/2021 so với quý I/2021, có 86,8% doanh nghiệp dự báo tăng và giữ nguyên (52,0% tăng và 34,8% giữ nguyên), 13,2% doanh nghiệp dự báo khối lượng sản xuất giảm.

Theo ngành kinh tế, một số ngành có tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá khối lượng sản xuất quý I/2021 tăng so với quý IV/2020 như: ngành sản xuất thiết bị điện 46,2%; ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học 40,2%; ngành sản xuất da và các sản phẩm có liên quan 39,9%... Một số ngành có tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá khối lượng sản xuất quý I/2021 giảm so với quý IV/2020 như: ngành sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt máy móc và thiết bị 39,6%; ngành sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu 37,2%; ngành sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy 36,6%...

⁵ Chỉ số tương ứng của quý IV/2020: Tỷ lệ sử dụng công suất máy móc, thiết bị bình quân 75,5%.

⁶ Chỉ số tương ứng của quý IV/2020: Có 75,6% doanh nghiệp đánh giá khối lượng sản xuất tăng và giữ nguyên (42,5% tăng; 33,1% giữ nguyên) và 24,4% doanh nghiệp đánh giá giảm.



2.2. Giá bán bình quân một đơn vị sản phẩm

Có 91,2% doanh nghiệp cho rằng giá bán bình quân trên một đơn vị sản phẩm chủ yếu quý I/2021 tăng và giữ nguyên so với quý IV/2020 (18,3% tăng và 72,9% giữ nguyên), 8,8% doanh nghiệp cho rằng giảm⁷. Tỷ lệ này ở quý II/2021 so với quý I/2021 là 92,2% (17,8% tăng và 74,4% giữ nguyên), có 7,8% doanh nghiệp dự báo giá bán bình quân giảm.

Theo ngành kinh tế, một số ngành có tỷ lệ doanh nghiệp nhận định giá bán bình quân trên một đơn vị sản xuất quý I/2021 tăng so với quý IV/2020 như: ngành sản xuất kim loại 34,9%; ngành sản xuất thiết bị điện 33,3%; ngành sản xuất chế biến thực phẩm 26,3%... Một số ngành có tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá giá bán bình quân một đơn vị sản phẩm quý I/2021 giảm so với quý IV/2020 như: ngành sản xuất xe có động cơ 16,7%; ngành sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu 12,8%; ngành sản xuất trang phục 12,4%...

3. Biến động về tồn kho

3.1. Tồn kho thành phẩm

Đánh giá chung của các doanh nghiệp, có 20,9% số doanh nghiệp đánh giá khối lượng thành phẩm tồn kho quý I/2021 tăng so với quý IV/2020, 50,9% doanh nghiệp đánh giá giữ nguyên và 28,2% đánh giá giảm⁸. Dự báo quý II/2021 so với quý I/2021, 14,9% doanh nghiệp dự báo tăng, 55,1% doanh nghiệp dự báo giữ nguyên khối lượng thành phẩm tồn kho, 30,0% doanh nghiệp dự báo giảm khối lượng thành phẩm tồn kho.

Theo ngành kinh tế, một số ngành có tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá tồn kho thành phẩm quý I/2021 tăng so với quý IV/2020 như: ngành như ngành sản xuất thiết bị điện 35,0%; ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học 30,8%; ngành sản xuất xe có động cơ 28,6%... Một số ngành có tỷ lệ

⁷ Chỉ số tương ứng của quý IV/2020: Có 90,0% doanh nghiệp nhận định giá bình quân trên một đơn vị sản phẩm tăng và giữ nguyên (16,6% tăng; 73,4% giữ nguyên) và 10,0% giảm.

⁸ Chỉ số tương ứng của quý IV/2020: Có 19,5% doanh nghiệp đánh giá tồn kho thành phẩm tăng, 47,5% doanh nghiệp đánh giá giữ nguyên; 33,0% doanh nghiệp đánh giá giảm.

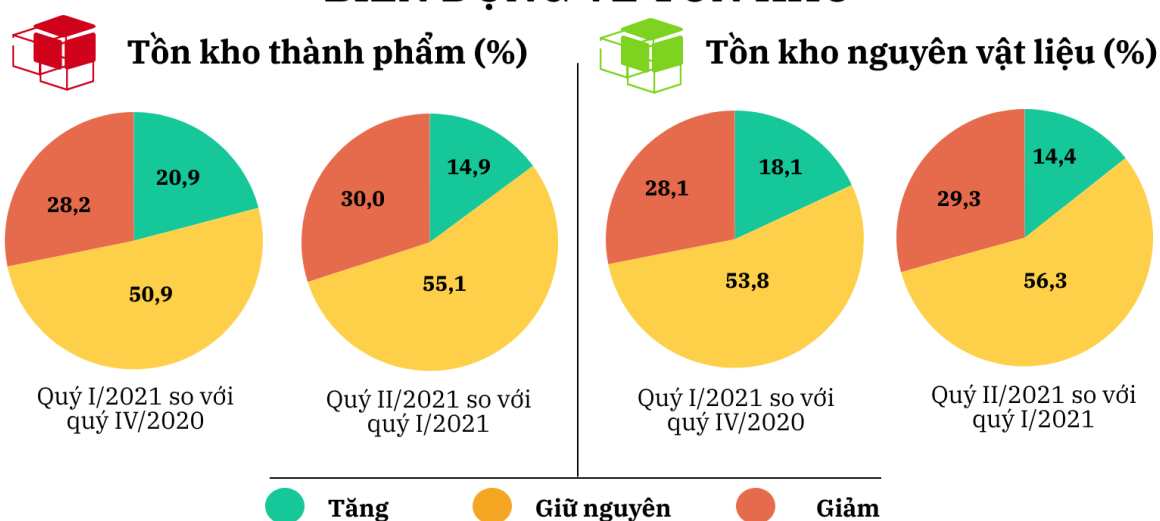
doanh nghiệp đánh giá tồn kho thành phẩm quý I/2021 giảm so với quý IV/2020 như: ngành sản xuất thuốc lá 38,9%; ngành sản xuất chế biến thực phẩm 35,5%; ngành sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu 33,3%...

3.2. Tồn kho nguyên vật liệu

Có 71,9% doanh nghiệp đánh giá tồn kho nguyên vật liệu quý I/2021 so với quý IV/2020 tăng và giữ nguyên (18,1% tăng và 53,8% giữ nguyên), 28,1% doanh nghiệp đánh giá giảm⁹. Quý II/2021 so với quý I/2021, có 70,7% doanh nghiệp dự báo khối lượng tồn kho nguyên vật liệu tăng và giữ nguyên (14,4% tăng và 56,3% giữ nguyên), 29,3% doanh nghiệp dự kiến giảm khối lượng tồn kho nguyên vật liệu.

Theo ngành kinh tế, một số ngành có tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá tồn kho nguyên vật liệu quý I/2021 tăng so với quý IV/2020 như: ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học 27,8%, ngành sản xuất xe có động cơ 26,2%; ngành sản xuất thiết bị điện 24,8%... Một số ngành có tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá tồn kho nguyên vật liệu quý I/2021 giảm so với quý IV/2020 như: ngành sản xuất chế biến thực phẩm 33,2%; ngành sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy 32,8%; ngành hóa chất và sản phẩm hóa chất 31,8%...

BIẾN ĐỘNG VỀ TỒN KHO



4. Tổng quan chung về hoạt động sản xuất kinh doanh

Có 68,6% số doanh nghiệp ngành chế biến, chế tạo cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh quý I/2021 so với quý IV/2020 của doanh nghiệp tốt lên và giữ ổn định (29,6% doanh nghiệp đánh giá tốt lên và 39,0% doanh nghiệp đánh giá giữ ổn định), 31,4% doanh nghiệp cho rằng SXKD khó khăn hơn¹⁰.

Dự báo quý II/2021 so với quý I/2021, có 85,1% số doanh nghiệp dự báo tình hình SXKD của doanh nghiệp tốt lên và giữ ổn định (51,0% doanh nghiệp

⁹ Chỉ số tương ứng của quý IV/2020: Có 18,0% doanh nghiệp đánh giá tồn kho nguyên vật liệu tăng, 50,3% đánh giá giữ nguyên; 31,7% đánh giá giảm.

¹⁰ Chỉ số tương ứng của quý IV/2020: Có 75,3% doanh nghiệp đánh giá tình hình SXKD tốt lên và giữ ổn định (40,6% tốt lên và 34,7% giữ ổn định) và 24,7% doanh nghiệp đánh giá khó khăn hơn.

dự báo tốt lên và 34,1% giữ ổn định), 14,9% doanh nghiệp dự báo tình hình SXKD khó khăn hơn.

(1) Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động SXKD: Tính cạnh tranh của hàng trong nước cao vẫn là yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp khi có tới 55,1% doanh nghiệp cho rằng yếu tố này ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp; 49,5% doanh nghiệp cho rằng nhu cầu thị trường trong nước thấp; 33,1% doanh nghiệp gặp khó khăn về tài chính; 27,1% doanh nghiệp cho rằng thiếu nguyên, nhiên, vật liệu; 27,0% doanh nghiệp không tuyển dụng được lao động theo yêu cầu; 26,6% doanh nghiệp cho rằng nhu cầu thị trường quốc tế thấp; 23,9% doanh nghiệp cho rằng lãi suất vay vốn cao; 21,3% doanh nghiệp cho rằng tính cạnh tranh của hàng nhập khẩu cao; 21,2% doanh nghiệp đánh giá do thiết bị công nghệ lạc hậu; 12,4% doanh nghiệp đánh giá do chính sách pháp luật của nhà nước; 6,1% doanh nghiệp cho rằng không có khả năng tiếp cận vốn vay; 2,1% doanh nghiệp đánh giá thiếu năng lượng là nhân tố ảnh hưởng đến SXKD của doanh nghiệp.

(2) Đơn đặt hàng mới: Chỉ số cân bằng (thể hiện số phần trăm doanh nghiệp đánh giá đơn đặt hàng mới tăng trừ đi số phần trăm doanh nghiệp đánh giá đơn đặt hàng mới giảm) ở quý I/2021 so với quý IV/2020 là -2,7% (27,8% tăng và 30,5% giảm). Trong đó, chỉ số cân bằng của khu vực FDI đạt cao nhất với 7,0%, khu vực doanh nghiệp nhà nước 6,5%, thấp nhất là khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước với -7,5%. Chỉ số cân bằng quý II/2021 so với quý I/2021 là 34,1% (47,5% tăng và 13,4% giảm), khu vực FDI có chỉ số cân bằng đạt cao nhất với 34,5%, khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước 34,3% và khu vực doanh nghiệp nhà nước 29,3%.

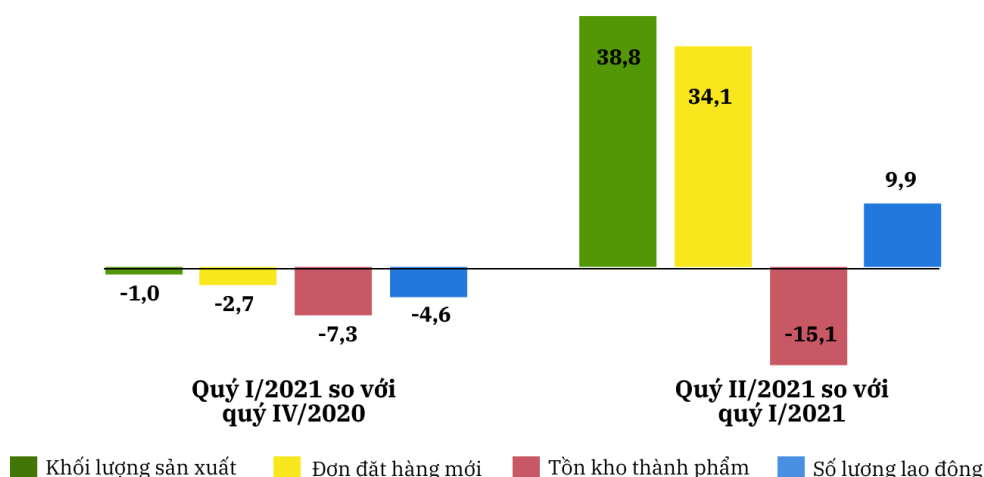
(3) Số lượng lao động: Chỉ số cân bằng về quy mô lao động ở quý I/2021 so với quý IV/2020 là -4,6% (12,9% tăng và 17,5% giảm). Chỉ số cân bằng cao nhất ở khu vực doanh nghiệp FDI 3,4% (19,9% tăng, 16,5% giảm), khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước -7,7% (10,1% tăng, 17,8% giảm), thấp nhất là khu vực nhà nước với -8,0% (12,9% tăng, 17,5% giảm). Chỉ số cân bằng quý II/2021 so với quý I/2021 là 9,9% (19,4% tăng và 9,5% giảm), khu vực FDI có chỉ số cân bằng đạt cao nhất với 16,0%, khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước 7,8% và khu vực doanh nghiệp nhà nước 6,3%.

(4) Khối lượng sản xuất: Chỉ số cân bằng ở quý I/2021 so với quý IV/2020 là -1,0%¹¹ (31,0% tăng và 32,0% giảm). Chỉ số cân bằng ở khu vực doanh nghiệp FDI cao nhất với 8,3% (35,9% tăng, 27,6% giảm), khu vực doanh nghiệp nhà nước 6,3% (31,5% tăng, 25,2% giảm) và thấp nhất là khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước -5,3% (29,0% tăng, 34,3% giảm). Chỉ số cân bằng quý II/2021 so với quý I/2021 là 38,8% (52,0% tăng, 13,2% giảm), khu vực FDI có chỉ số cân bằng đạt cao nhất với 41,3%, khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước 38,3% và khu vực doanh nghiệp nhà nước 32,1%.

¹¹ Chỉ số tương ứng của quý I/2020: Chỉ số cân bằng khối lượng sản xuất -16,8% (22,7% doanh nghiệp đánh giá tăng và 39,5% doanh nghiệp đánh giá giảm)



Chỉ số cân bằng khối lượng sản xuất, đơn đặt hàng mới, tồn kho thành phẩm và số lượng lao động (%)



(5) Tồn kho thành phẩm: Chỉ số cân bằng về tồn kho thành phẩm quý I/2021 so với quý IV/2020 là -7,3% (20,9% tăng và 28,2% giảm). Chỉ số cân bằng ở khu vực doanh nghiệp FDI cao nhất với -1,7% (25,0% tăng, 26,7% giảm), khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước -9,0% (19,7% tăng, 28,7% giảm) và thấp nhất là khu vực doanh nghiệp nhà nước -15,9% (15,2% tăng, 31,1% giảm). Chỉ số cân bằng quý II/2021 so với quý I/2021 là -15,1% (14,9% tăng, 30,0% giảm), khu vực FDI có chỉ số cân bằng đạt cao nhất với -8,6%, khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước -17,3% và khu vực doanh nghiệp nhà nước -20,6%.

PHẦN II. XU HƯỚNG SẢN XUẤT KINH DOANH NGÀNH XÂY DỰNG

Nhìn chung, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp ngành xây dựng quý I/2021 không khả quan như các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo. Có 48,7% số doanh nghiệp nhận định tình hình sản xuất kinh doanh quý I/2021 so với quý IV/2020 tốt lên và giữ ổn định. Dự báo quý II/2021, tình hình SXKD của các doanh nghiệp ngành xây dựng khả quan hơn quý I/2021 với tỷ lệ doanh nghiệp nhận định tình hình sản xuất kinh doanh quý II/2021 so với quý I/2021 tốt lên và giữ ổn định là 52,3%.

1. Biến động của các yếu tố đầu vào

1.1. Sử dụng lao động

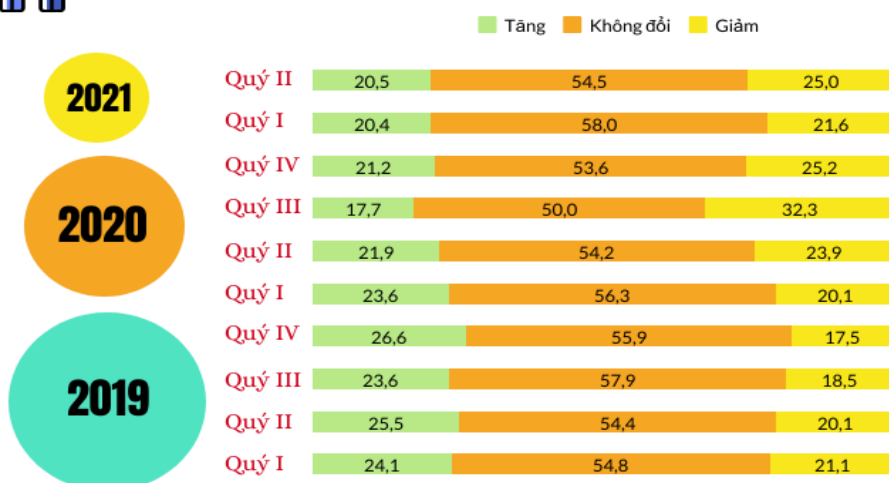
Khảo sát quý I/2021 cho thấy, có 20,4% doanh nghiệp nhận định lao động chung trong doanh nghiệp xây dựng tăng, 58,0% không đổi so với quý IV/2020¹², 21,6% doanh nghiệp nhận định giảm. Nhận định về lao động thường xuyên trong doanh nghiệp: có 9,7% doanh nghiệp nhận định tăng, 77,6% doanh nghiệp nhận định không đổi và 12,7% nhận định giảm. Tỷ lệ này của lao động thời vụ tương ứng là: 20,5% doanh nghiệp nhận định tăng, 56,4% không đổi và 23,1% giảm.

¹² Chỉ số tương ứng quý IV/2020: có 74,8% doanh nghiệp nhận định lao động tăng và giữ nguyên (21,2% tăng; 53,6% giữ nguyên) và 25,2% doanh nghiệp nhận định giảm.

Dự báo quý II/2021 so với quý I/2021, có 20,5% doanh nghiệp quy mô lao động tăng, 54,5% không đổi và 25,0% doanh nghiệp dự báo giảm. Dự báo về lao động thường xuyên: 10,4% doanh nghiệp dự báo tăng, 74,4% dự báo không đổi và 15,2% dự báo giảm. Tỷ lệ này của lao động thời vụ là: 20,9% doanh nghiệp dự báo tăng, 51,0% không đổi và 28,1% giảm.



Nhận định lao động chung trong doanh nghiệp

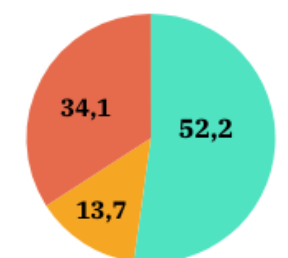


1.2. Chi phí sản xuất

Kết quả khảo sát quý I/2021 cho thấy, có 37,6% doanh nghiệp nhận định tổng chi phí sản xuất trên một đơn vị sản phẩm xây dựng không thay đổi, 20,4% nhận định giảm và 42,0% nhận định tổng chi phí sản xuất tăng so với quý IV/2020¹³. Dự báo quý II/2021 so với quý I/2021 có 33,5% doanh nghiệp dự báo không đổi, 23,0% dự báo giảm và 43,5% dự báo tăng.



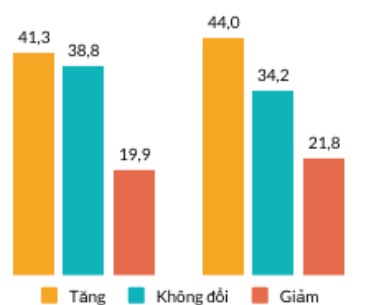
Cơ cấu chi phí quý I/2021 (%)



■ Chi phí vật liệu trực tiếp (52.2%)
 ■ Chi phí nhân công trực tiếp (13.7%)
 ■ Các chi phí khác* (34.1%)



Xu hướng chi phí nguyên, vật liệu (%)



■ Tăng ■ Không đổi ■ Giảm

¹³ Chỉ số tương ứng của quý IV/2020: Toàn ngành có 35,0% doanh nghiệp đánh giá tổng chi phí trên một đơn vị sản phẩm giữ nguyên, 21,2% nhận định giảm và 43,8% nhận định tăng so với quý III/2020.

a) Chi phí nguyên, vật liệu

Có 38,8% doanh nghiệp nhận định chi phí nguyên, vật liệu không đổi, 19,9% giảm và 41,3% tăng so với quý IV/2020. Dự báo quý II/2021 so với quý I/2021, có 34,2% doanh nghiệp cho rằng chi phí nguyên, vật liệu không đổi, 21,8% giảm và 44,0% tăng.

b) Chi phí nhân công

Quý I/2021, có 43,3% doanh nghiệp nhận định chi phí nhân công trực tiếp không đổi, 20,0% nhận định giảm và 36,7% nhận định tăng so với quý IV/2020. Dự báo quý II/2021 so với quý I/2021, có 39,6% doanh nghiệp cho rằng chi phí nhân công trực tiếp không đổi, 22,4% giảm và 38,0% tăng.

2. Hỗ trợ chính sách và tiếp cận vốn vay

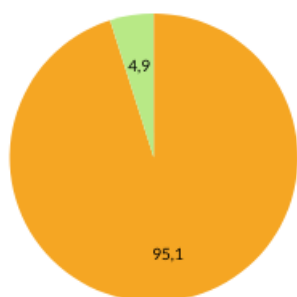
Quý I/2021 có 81,2% doanh nghiệp cho rằng hỗ trợ của hệ thống hành chính nhà nước cho doanh nghiệp giữ nguyên và thuận lợi hơn (56,0% doanh nghiệp nhận định giữ nguyên và 25,2% nhận định thuận lợi hơn); 18,8% nhận định khó khăn hơn so với quý IV/2020.

Kết quả khảo sát quý I/2021, có 66,9% doanh nghiệp xây dựng có vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, tỷ lệ này tăng nhẹ với quý IV/2020¹⁴. Trong số doanh nghiệp vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh trong quý I/2021, có 95,1% doanh nghiệp vay vốn từ hệ thống ngân hàng và 4,9% doanh nghiệp vay từ nguồn vốn khác.

Việc tiếp cận nguồn vốn vay từ hệ thống ngân hàng quý I/2021 thuận lợi hơn quý IV/2020 với 31,1% doanh nghiệp đánh giá tình hình vay vốn ngân hàng thuận lợi hơn, 47,4% nhận định giữ nguyên và 21,5% khó khăn hơn.



**Cơ cấu vay vốn
quý I/2021 (%)**



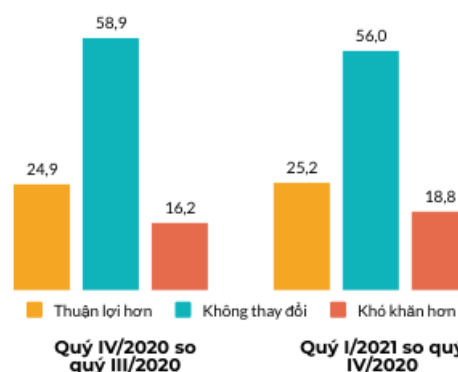
■ Vay ngân hàng (95.1%)
■ Vay từ nguồn khác (4.9%)



Hỗ trợ chính sách và vốn vay



Hỗ trợ chính sách (%)



¹⁴ Tỷ lệ tương ứng quý IV/2020: Toàn ngành 65,1%, khu vực doanh nghiệp nhà nước là 37,8%, khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước là 68,0% và khu vực doanh nghiệp FDI là 32,2%.

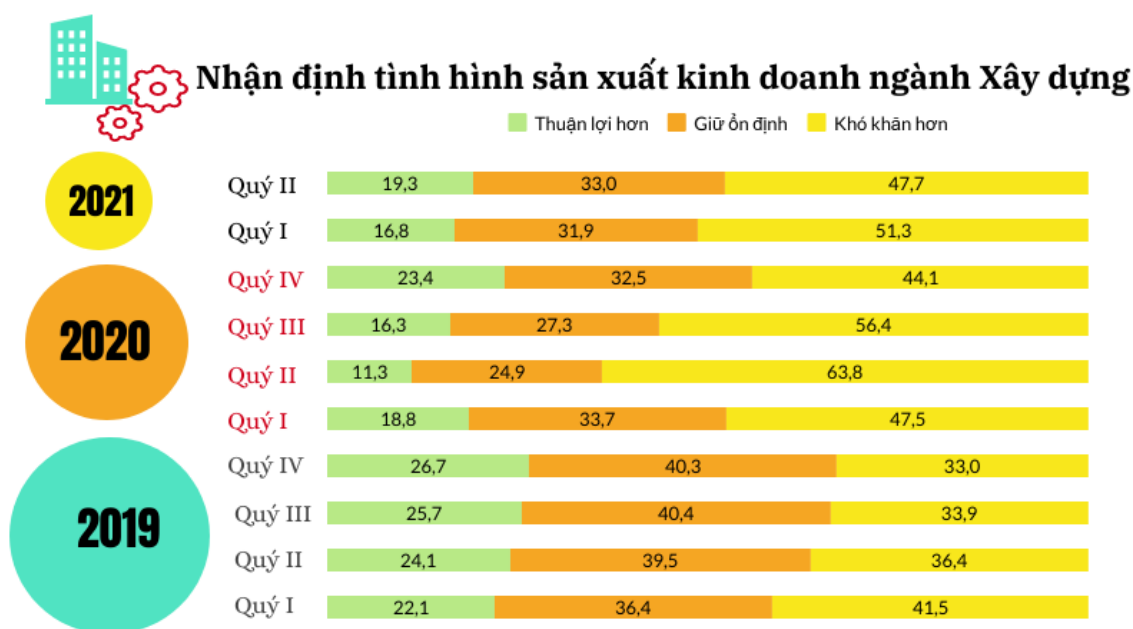
3. Tổng quan chung về hoạt động sản xuất kinh doanh

Những tháng đầu năm 2021, dịch Covid-19 với biến thể mới bùng phát trở lại ở trong nước diễn biến nhanh và phức tạp đã ảnh hưởng đến hoạt động kinh tế nói chung và hoạt động xây dựng nói riêng. Các ngành, các cấp từ Trung ương đến địa phương đều phải thực hiện “nhiệm vụ kép” vừa phòng chống dịch Covid-19 vừa phục hồi và phát triển nền kinh tế. Trong quý I/2021 có 16,8% doanh nghiệp nhận định tình hình sản xuất kinh doanh tốt hơn, 31,9% đánh giá giữ nguyên và 51,3% cho rằng khó khăn hơn so với quý IV/2020¹⁵. Dự báo quý II/2021 có 19,3% doanh nghiệp đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh tốt hơn, 33,0% nhận định giữ nguyên và 47,7% đánh giá khó khăn hơn.

Có thể đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp xây dựng dựa trên các chỉ số cân bằng, như:

Chỉ số cân bằng về xu hướng sản xuất kinh doanh¹⁶ ngành xây dựng quý I/2021 so với quý IV/2020¹⁷ là -34,5% (16,8% doanh nghiệp nhận định tốt hơn và 51,3% doanh nghiệp nhận định khó khăn hơn). Hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được dự báo thuận lợi hơn trong quý II/2021 với chỉ số cân bằng so với quý I/2021 là -28,4% (19,3% doanh nghiệp dự báo tốt hơn và 47,7% doanh nghiệp dự báo khó khăn hơn).

Chỉ số cân bằng về biến động tổng chi phí cho hoạt động xây dựng quý I/2021 là 21,6% (42,0% doanh nghiệp nhận định tăng và 20,4% doanh nghiệp nhận định giảm), chỉ số này quý II/2021 có xu hướng giảm với 20,5% (43,5% doanh nghiệp dự báo tăng và 23,0% doanh nghiệp dự báo giảm).



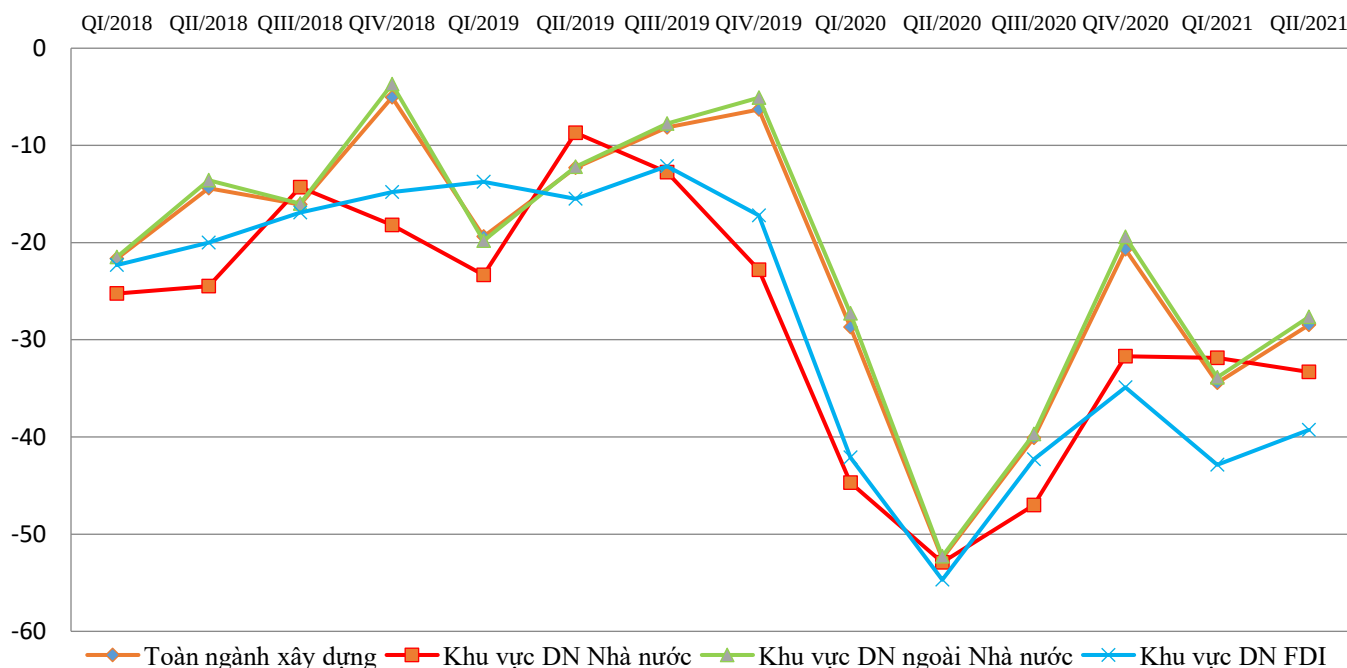
¹⁵ Chỉ số tương ứng của quý IV/2020: 23,4% doanh nghiệp đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh tốt hơn; 32,5% nhận định giữ nguyên và 44,1% cho rằng sản xuất kinh doanh khó khăn hơn so với quý III/2020.

¹⁶ Chỉ số cân bằng về xu hướng sản xuất kinh doanh thể hiện số phần trăm doanh nghiệp dự báo xu hướng sản xuất tốt hơn trừ đi số phần trăm doanh nghiệp dự báo xu hướng sản xuất khó khăn hơn.

¹⁷ Chỉ số tương ứng của quý IV/2020 là -20,7% (23,4% doanh nghiệp nhận định tốt hơn và 44,1% doanh nghiệp nhận định khó khăn hơn).

Chỉ số cân bằng về chi phí nguyên, vật liệu trực tiếp quý I/2021 là 21,4% (41,3% doanh nghiệp nhận định tăng và 19,9% nhận định giảm), dự báo quý II/2021 là 22,2% (44,0% doanh nghiệp dự báo tăng và 21,8% dự báo giảm); chỉ số này của chi phí nhân công trực tiếp quý I/2021 là 16,7% (36,7% doanh nghiệp nhận định tăng và 20,0% nhận định giảm) và dự báo quý II/2021 là 15,6% (38,0% doanh nghiệp dự báo tăng và 22,4% dự báo giảm).

Chỉ số cân bằng về tình hình SXKD ngành xây dựng



Chỉ số cân bằng về tăng và giảm số lượng lao động quý I/2021 là -1,2% (20,4% doanh nghiệp nhận định tăng và 21,6% nhận định giảm). Dự báo quý II/2021 chỉ số cân bằng về tăng và giảm quy mô lao động có xu hướng giảm với -4,5% (20,5% doanh nghiệp dự báo tăng và 25,0% dự báo giảm).

Với tình hình dịch Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp xây dựng còn gặp nhiều khó khăn. Để vượt giai đoạn khó khăn này, các nhà thầu xây dựng kiến nghị các giải pháp:

(1) *Nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ hành chính, cắt giảm thủ tục rườm rà, chồng chéo; đẩy mạnh công tác giao dịch hành chính điện tử, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các ban, ngành để giảm số lượng báo cáo của doanh nghiệp; bảo đảm cân đối cung cầu và bình ổn giá thị trường vật liệu xây dựng; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp bằng các chính sách tín dụng, tài chính, giảm lãi suất, giãn nợ, giảm thuế. Đồng thời có giải pháp hiệu quả cắt giảm thủ tục và rút ngắn thời gian thanh toán, giải ngân đối với các công trình có sử dụng nguồn vốn từ ngân sách nhà nước.*

(2) *Đơn giản hóa các thủ tục, điều kiện đầu tư kinh doanh trong hoạt động xây dựng; đẩy mạnh phân cấp quản lý và đầu tư xây dựng công trình; nâng cao chất lượng thẩm định dự án, thiết kế công trình. Tăng cường công tác*

kiểm tra, kiểm soát chất lượng công trình xây dựng, kiểm tra sự tuân thủ các quy định về quản lý đầu tư xây dựng.

(3) Có những chính sách phù hợp khuyến khích các doanh nghiệp xây dựng chuyên sâu vào các lĩnh vực riêng về xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng hay xây dựng chuyên dụng, như vậy tính chuyên môn hóa sẽ cao và năng lực cạnh tranh được nâng lên.

(4) Đa dạng hóa các cách thức thực hiện thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng nhằm giảm chi phí, thời gian cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và tăng sức cạnh tranh của doanh nghiệp.

(5) Để nâng cao năng lực của cán bộ, công chức trong quản lý, xét duyệt hồ sơ dự án, cần tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ cho cán bộ, công chức các cấp để góp phần tạo thuận lợi cho việc thực hiện các dự án đầu tư.

TỔNG CỤC THỐNG KÊ